

Bản tin Phân tích kỹ thuật

04/02/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Xuất hiện tín hiệu hồi phục trên 411G2000 bởi hợp đồng này đóng cửa trên đường MA20 và MA50. (M15)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, khả năng cao 411G2000 sẽ tiếp tục tăng giá về khu vực 2.025 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.996 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.005 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.025 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.996 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tích cực
VN30	Tiêu cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Tích cực
VNSmall	Tích cực	Tích cực
HNX	Tích cực	Tích cực

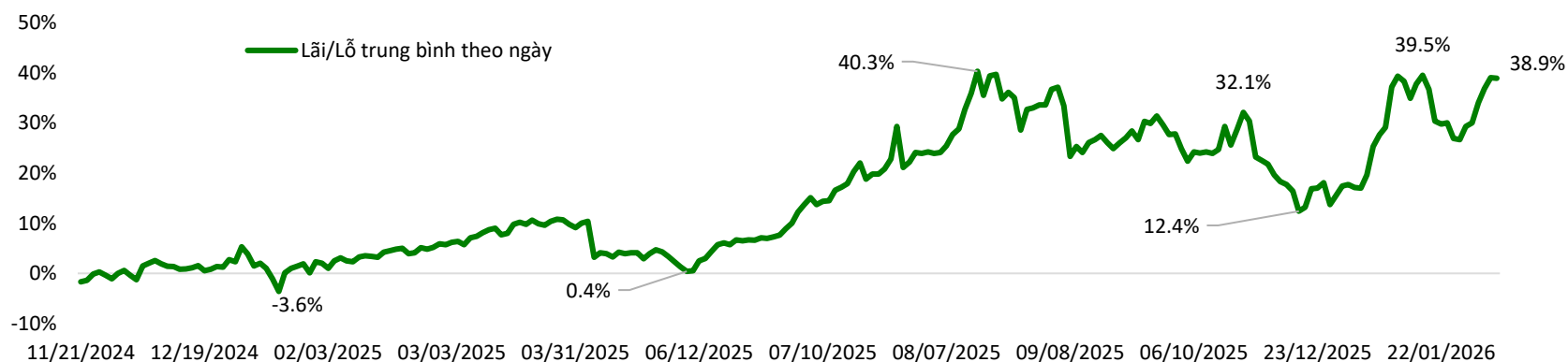


Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh giảm nhưng không vi phạm mốc 1.780 điểm. Đáng chú ý, sàn HOSE không ghi nhận sắc đỏ diện rộng, thay vào đó số mã tăng ở mức cân bằng so với số mã giảm. Điểm số bị tác động tiêu cực bởi biên độ giảm cao trên một vài cổ phiếu riêng lẻ. Về tín hiệu kỹ thuật, VN-Index và VN30-Index có tín hiệu Tiêu cực ngắn hạn. Các chỉ số VNMidcap, VNSmallcap và HNX-Index có mức Tích cực.
- Về hoạt động giao dịch, hoạt động mua gia tăng ở nhóm Vật liệu, Bảo hiểm và Chứng khoán. Ở các nhóm ngành còn lại, không ghi nhận áp lực bán đột biến. So sánh về tín hiệu kỹ thuật giữa các nhóm ngành, Dầu khí, Bảo hiểm, Vật liệu và Tiêu dùng ghi nhận xu hướng tăng trên đa số cổ phiếu trong ngành. Ở nhóm Ngân hàng và CNTT, tín hiệu xu hướng ở đa số cổ phiếu thành phần đều nghiêng về phía đi ngang/tích lũy trong ngắn hạn và Tích cực trong trung hạn.
- Dựa vào tín hiệu hiện tại trên VN-Index và cổ phiếu thành phần ở các nhóm ngành chủ đạo, chúng tôi duy trì dự báo chỉ số tạo đáy quanh khu vực 1.780-1.800 điểm. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, động thái từ lực cầu vẫn thiếu sự phân tán và chưa gia tăng nổi bật nên VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm định lại vùng 1.810 điểm trong sự giằng co ở phiên 05/02.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	27,800	26,700	4.1%	25,500	29,500	27,000	
SSI	09/01/2026		Đang mở	31,550	30,300	4.1%	29,200	34,500	30,500	37,600
BID	28/01/2026	04/02/2026	Chốt lãi	53,000	51,500	2.9%	49,300	59,000	53,000	
VCB	28/01/2026		Đang mở	70,800	69,400	2.0%	66,400	75,000	70,000	
IDC	28/01/2026		Đang mở	50,200	44,600	12.6%	40,800	53,500	48,000	
STB	29/01/2026		Đang mở	63,800	62,600	1.9%	58,400	70,000		
MSN	03/02/2026		Đang mở	82,700	83,300	-0.7%	81,300	92,600		
ANV	03/02/2026		Đang mở	29,200	28,500	2.5%	27,700	33,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	121,600	-6.96%	-13.45%	937,053	-15.173	1,739	6.3	69.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	91,300	-6.17%	-12.46%	375,007	-5.378	10,008	1.6	9.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,300	5.79%	5.99%	217,216	2.927	2,013	1.7	14.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VCB	70,800	-1.39%	1.72%	591,582	-1.916	4,210	2.6	16.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	53,000	-2.03%	2.12%	372,132	-1.760	4,279	2.2	12.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	41,700	-2.57%	9.16%	166,800	-0.997	1,406	2.9	29.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	101,900	-1.92%	-2.49%	173,587	-0.777	5,511	4.8	18.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	115,800	-1.03%	-1.86%	279,420	-0.666	4,730	4.2	24.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	85,500	-1.38%	-6.04%	153,327	-0.494	631	4.2	135.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	71,900	-2.84%	8.94%	74,417	-0.491	3,371	3.3	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MCH	157,200	1.03%	0.06%	203,489	0.487	5,524	11.3	28.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,750	0.91%	0.00%	220,166	0.465	3,024	1.3	9.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	42,200	1.56%	0.48%	126,063	0.459	3,824	2.7	11.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VJC	165,000	-1.79%	-3.79%	97,616	-0.405	3,728	3.9	44.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVH	82,000	2.76%	19.19%	60,870	0.390	3,996	2.5	20.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	205,600	4.90%	5.22%	41,120	0.359	10,115	7.9	20.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,500	8.02%	10.76%	18,695	0.268	434	1.8	40.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PVI	95,400	4.26%	6.71%	22,347	0.170	4,695	2.7	20.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	50,200	-3.09%	8.89%	19,051	-0.105	5,090	3.0	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	27,000	1.89%	3.05%	18,017	0.061	1,886	2.3	14.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCS	46,300	4.28%	5.23%	7,408	0.057	4,340	1.4	10.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,400	-0.80%	-1.59%	23,865	-0.034	0	1.8	210,582.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,900	1.07%	1.07%	17,000	0.032	1,501	1.4	12.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	85,400	0.23%	21.83%	76,842	0.032	17,478	4.4	4.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PLC	35,500	-4.31%	9.23%	2,868	-0.022	168	2.4	211.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

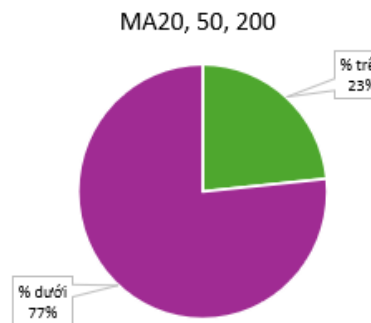
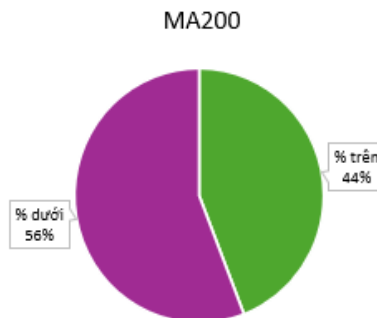
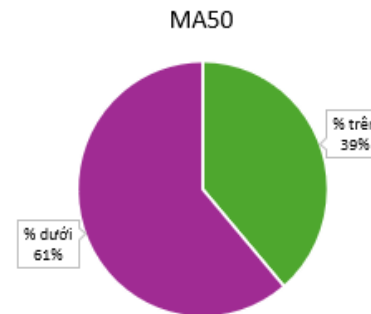
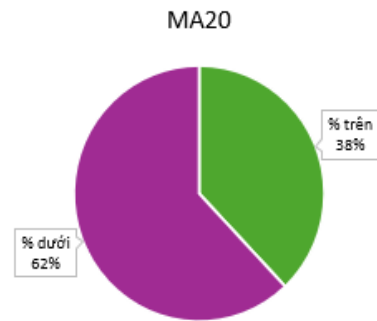
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	131,000	-2.60%	6.85%	397,354	-0.773	3,063	9.7	42.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CC1	40,000	12.99%	-1.23%	15,692	0.152	892	3.6	44.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
FOX	97,500	2.85%	3.72%	71,396	0.152	4,627	6.6	20.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	189,000	-6.99%	-19.57%	21,183	-0.111	6,543	8.7	29.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	55,700	-0.71%	5.29%	199,614	-0.106	2,971	3.0	18.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MVN	69,000	-0.72%	6.65%	82,389	-0.044	1,624	5.8	42.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVN	9,800	8.89%	12.64%	6,463	0.043	766	0.7	12.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MMI	41,100	2.75%	7.59%	13,568	0.028	1,693	2.7	23.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	10,400	-2.80%	-2.80%	11,297	-0.024	1,457	0.9	7.2	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
QNS	49,300	1.65%	4.67%	18,049	0.022	5,231	1.7	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSR	24,050	0.6%	434.0	517.8	9,009	23,900	2.0	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	63,800	1.3%	744.5	993.0	33,100	63,500	2.0	20.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	82,000	2.8%	160.7	96.7	38,365	79,800	2.5	20.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	33,500	1.5%	348.7	302.8	16,282	33,150	1.1	18.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	49,300	1.6%	10.8	7.7	40,496	48,500	1.7	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	22,550	3.0%	231.7	125.0	14,091	21,900	1.2	10.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	27,050	1.7%	44.5	42.8	15,727	26,750	1.7	7.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	57,400	1.1%	22.5	31.2	19,850	56,800	2.8	214.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SGR	17,100	1.5%	13.0	3.4	16,400	40,300	0.8	12.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HUT	17,500	8.0%	147.4	25.1	11,684	20,500	1.8	40.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MIG	19,750	6.8%	36.1	8.8	13,266	20,300	1.6	12.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HAX	11,900	6.7%	24.6	5.6	9,850	17,600	1.2	227.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ITC	12,350	-1.6%	8.2	1.6	8,910	18,000	0.5	22.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TVN	9,800	8.9%	34.0	10.0	5,600	10,200	0.7	12.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TLG	55,000	5.2%	56.9	16.2	37,223	61,707	2.1	11.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
L40	76,900	0.3%	18.9	5.9	12,563	109,494	1.8	2.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	25,650	6.9%	77.3	12.4	17,200	27,650	1.0	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	19,900	7.0%	21.8	10.7	15,929	20,950	1.0	11.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,300	5.8%	4064.9	1166.8	17,749	30,350	1.7	14.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
PAC	24,200	4.1%	18.5	7.5	18,128	34,200	1.7	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			4/02/2026	03/02/2026	2/02/2026	30/01/2026	29/01/2026	28/01/2026	27/01/2026	26/01/2026	23/01/2026	22/01/2026	21/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	47%	47%	46%	48%	46%	46%	46%	44%	49%	53%	53%
		Dưới	53%	53%	54%	52%	54%	54%	54%	56%	51%	47%	47%
	MA50	Trên	49%	46%	44%	44%	44%	39%	41%	39%	49%	54%	50%
		Dưới	51%	54%	56%	56%	56%	61%	59%	61%	51%	46%	50%
	MA20	Trên	48%	45%	41%	44%	44%	35%	37%	36%	50%	60%	51%
		Dưới	52%	55%	59%	56%	56%	65%	63%	64%	50%	40%	49%
VN30	MA200	Trên	77%	83%	83%	90%	83%	87%	90%	87%	90%	90%	90%
		Dưới	23%	17%	17%	10%	17%	13%	10%	13%	10%	10%	10%
	MA50	Trên	57%	53%	53%	60%	57%	50%	63%	60%	73%	80%	73%
		Dưới	43%	47%	47%	40%	43%	50%	37%	40%	27%	20%	27%
	MA20	Trên	47%	47%	47%	43%	43%	37%	43%	30%	70%	77%	67%
		Dưới	53%	53%	53%	57%	57%	63%	57%	70%	30%	23%	33%
HNX	MA200	Trên	41%	41%	40%	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%
		Dưới	59%	59%	60%	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%
	MA50	Trên	41%	41%	37%	38%	41%	37%	38%	38%	42%	47%	46%
		Dưới	59%	59%	63%	62%	59%	63%	62%	62%	58%	53%	54%
	MA20	Trên	41%	41%	40%	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%
		Dưới	59%	59%	60%	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%
UPCOM	MA200	Trên	36%	36%	35%	36%	35%	32%	34%	33%	38%	38%	36%
		Dưới	64%	64%	65%	64%	65%	68%	66%	67%	62%	62%	64%
	MA50	Trên	39%	39%	39%	39%	37%	35%	37%	37%	40%	40%	39%
		Dưới	61%	61%	61%	61%	63%	65%	63%	63%	60%	60%	61%
	MA20	Trên	46%	46%	44%	45%	44%	43%	43%	44%	46%	46%	46%
		Dưới	54%	54%	56%	55%	56%	57%	57%	56%	54%	54%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	18	Tháng 2										Tháng 1									
		04	03	02	30	29	28	27	26	23	22	21	20	19	16	15	14	13	12	09	08
1	Dầu khí	91	92	91	90	90	89	88	87	88	91	90	90	91	91	91	92	90	89	90	89
2	Bán lẻ	87	86	82	75	71	69	65	70	79	82	82	83	84	77	74	74	72	66	62	67
3	Hàng cá nhân & Gia...	80	78	72	70	67	64	64	73	78	75	74	83	83	81	81	76	72	70	61	54
4	Viễn thông	73	70	72	73	74	76	73	76	80	84	86	91	92	-	-	-	-	-	-	-
5	Hóa chất	73	69	65	65	64	64	66	69	71	71	69	71	71	71	71	66	64	61	56	54
6	Bảo hiểm	72	64	58	59	59	60	60	68	75	84	84	83	84	84	77	73	71	68	64	65
7	Thực phẩm và đồ uố...	71	70	67	65	64	62	61	62	65	66	66	66	65	65	64	61	58	46	48	50
8	Hàng & Dịch vụ Cộn...	70	66	60	51	51	53	54	58	66	70	73	72	69	70	66	62	60	49	44	45
9	Công nghệ Thông tin	69	69	71	75	75	58	59	62	72	74	75	75	85	81	73	69	66	67	63	61
10	Điện, nước & xăng d...	69	70	66	66	66	64	66	68	71	73	72	72	74	71	70	72	68	64	65	67
11	Tài nguyên Cơ bản	69	64	65	64	60	56	53	58	61	60	60	61	61	63	58	54	54	46	50	47
12	Xây dựng và Vật liệu	55	52	50	46	45	46	44	45	45	46	47	52	53	49	48	48	45	40	38	40
13	Y tế	54	54	62	62	62	74	73	73	72	74	69	74	-	-	-	-	-	-	65	64
14	Ngân hàng	53	52	57	52	52	57	59	63	62	64	65	69	68	66	68	70	70	62	59	59
15	Ô tô và phụ tùng	53	51	47	43	43	43	41	41	49	48	50	56	57	55	52	48	42	34	32	34
16	Dịch vụ tài chính	48	44	43	36	35	35	37	42	42	41	44	52	54	55	53	53	53	38	29	30
17	Du lịch và Giải trí	41	42	43	45	44	45	55	58	57	55	56	57	60	64	65	63	62	58	51	49
18	Bất động sản	32	33	33	28	27	28	32	36	38	38	37	34	32	31	31	32	31	29	34	36

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HPG	28,300	5.8%	6.0%	217,216	1.7	14.1	2,013	4,064.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
GVR	41,700	-2.6%	9.2%	166,800	2.9	29.7	1,406	264.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	72,000	0.6%	6.4%	150,477	4.9	16.0	4,503	550.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	55,800	0.0%	1.8%	128,971	2.9	20.6	2,713	99.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	24,050	0.6%	9.8%	120,426	2.0	23.2	1,036	434.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	63,800	1.3%	0.9%	120,277	2.0	20.3	3,150	744.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	85,400	0.2%	21.8%	76,842	4.4	4.9	17,478	5.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	97,500	2.8%	3.7%	71,396	6.6	20.9	4,627	75.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	51,700	-0.8%	5.6%	66,308	3.1	15.0	3,449	81.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	82,000	2.8%	19.2%	60,870	2.5	20.5	3,996	160.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	37,150	-2.0%	8.9%	34,986	1.4	14.9	2,500	337.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GMD	73,300	0.5%	11.4%	31,262	2.4	18.4	3,986	153.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	174,900	0.5%	9.1%	29,786	7.1	37.5	4,667	151.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	57,900	3.2%	25.6%	25,959	3.0	18.5	3,130	165.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	46,700	0.0%	7.4%	23,883	1.6	13.1	3,560	374.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	38,300	1.9%	6.4%	20,276	1.9	10.6	3,618	206.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	50,200	-3.1%	8.9%	19,051	3.0	9.9	5,090	271.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	17,500	8.0%	10.8%	18,695	1.8	40.3	434	147.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PVD	33,500	1.5%	9.8%	18,622	1.1	18.0	1,866	348.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	17,800	0.0%	17.9%	18,383	1.8	43.2	412	113.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,130	0.3%	-1.8%	4,129	0.7	11.2	639	15.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ITC	12,350	-1.6%	-7.1%	1,185	0.5	22.2	556	8.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	91,300	-6.2%	-12.5%	375,007	1.6	9.1	10,008	1,253.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	85,500	-1.4%	-6.0%	153,327	4.2	135.5	631	74.8	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,600	-0.4%	-1.3%	121,225	1.3	7.8	3,042	423.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,800	-0.7%	2.1%	83,388	13.9	9.1	2,947	32.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	45,200	-1.2%	-2.3%	68,787	2.4	16.5	2,742	118.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	28,250	-0.5%	-2.9%	64,193	1.3	10.0	2,837	322.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIB	17,400	-0.3%	-0.3%	59,230	1.3	8.1	2,143	88.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,000	0.0%	-2.6%	48,365	1.2	8.8	1,938	35.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	11,750	-0.4%	0.4%	31,291	0.9	7.8	1,513	16.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,850	0.0%	-0.2%	30,131	1.6	28.5	943	158.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,100	-0.4%	-1.1%	24,191	1.0	5.8	2,438	16.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	19,200	0.0%	-1.3%	12,412	1.1	3.2	6,084	169.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	44,150	-1.9%	0.3%	9,710	1.6	9.8	4,510	10.1	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KOS	38,200	0.0%	-2.4%	8,270	3.6	439.0	87	12.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
KHG	6,730	-0.7%	0.4%	3,025	0.6	45.5	148	81.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTF	19,250	-2.8%	-4.0%	1,841	1.8	181.2	106	5.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIC	121,600	-7.0%	-13.5%	937,053	6.3	69.9	1,739	1,432.7	Tiêu cực	-6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DHA	57,900	0.0%	-10.6%	852	1.7	7.8	7,455	8.9	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,130	0.28%	-1.79%	13,600	88.9%	639	0.7	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,600	0.18%	-1.38%	52,100	81.2%	1,805	1.1	15.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,850	0.00%	-0.19%	48,500	78.3%	943	1.6	28.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	68,700	1.18%	0.88%	118,000	75.3%	7,965	1.7	8.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DXG	15,400	0.98%	1.32%	24,000	57.9%	229	1.2	67.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVL	12,550	-2.33%	5.46%	20,000	55.6%	862	0.6	14.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	37,100	-0.93%	3.06%	54,000	54.3%	1,635	1.9	22.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,100	0.00%	0.63%	25,500	53.6%	353	1.3	45.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,600	-0.42%	-1.26%	33,300	40.2%	3,042	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,750	0.91%	0.00%	38,000	37.7%	3,024	1.3	9.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,300	5.79%	5.99%	35,700	34.5%	2,013	1.7	14.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HDG	27,450	-0.72%	5.98%	37,000	33.8%	1,907	1.5	14.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	31,550	2.10%	1.94%	40,800	32.5%	2,035	2.5	15.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	36,850	5.14%	19.26%	42,400	29.3%	1,917	2.1	19.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACG	36,600	1.10%	0.97%	45,800	28.3%	3,342	1.3	11.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCB	34,550	-0.43%	0.14%	44,800	28.0%	3,577	1.4	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
REE	62,600	-0.16%	1.29%	78,200	27.8%	4,668	1.6	13.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,900	6.99%	9.34%	23,100	27.3%	1,726	1.0	11.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	44,150	-1.89%	0.28%	57,300	24.0%	4,510	1.6	9.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	57,900	3.21%	25.60%	64,100	22.1%	3,130	3.0	18.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn